

Hà Nội, ngày... tháng... năm...

DỰ THẢO 3

LUẬT
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo số 16/2012/QH13.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Người chuyển tải sản phẩm quảng cáo là người trực tiếp quảng cáo các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thông qua các hoạt động của mình trên mạng xã hội, trong sản phẩm quảng cáo hoặc thông qua hình thức mặc, treo, gắn, dán, vẽ hoặc các hình thức tương tự.”

b) Bổ sung khoản 15 vào sau khoản 14 như sau:

“15. Hoạt động cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam là việc các tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng trang thông tin điện tử kinh doanh dịch vụ quảng cáo từ hệ thống thiết bị cung cấp dịch vụ đặt ngoài lãnh thổ Việt Nam, cho người sử dụng tại Việt Nam, có phát sinh doanh thu tại Việt Nam.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo và có trách nhiệm sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật về hoạt động quảng cáo; xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển hoạt động quảng cáo, chính sách phát triển ngành công nghiệp quảng cáo;

b) Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định sản phẩm quảng cáo;

c) Tổ chức phổ biến, giáo dục pháp luật về quảng cáo; đào tạo, bồi dưỡng; hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ, quản lý trong hoạt động quảng cáo, quy hoạch quảng cáo ngoài trời;

d) Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm về hoạt động quảng cáo theo quy định của pháp luật;

- đ) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quảng cáo;
- e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.”

2. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo trên báo chí, trên mạng viễn thông, trên mạng internet, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật;

b) Cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trên báo nói, báo hình;

c) Tiếp nhận thủ tục thông báo ra phụ trương chuyên quảng cáo đối với báo in; cấp Giấy xác nhận thông báo thông tin liên hệ của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới tại Việt Nam;

d) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong hoạt động quảng cáo trên báo chí, trên mạng viễn thông, trên mạng internet, trên xuất bản phẩm và quảng cáo tích hợp trên các sản phẩm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin.

3. Bộ Y tế có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về nội dung quảng cáo đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực y tế;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quảng cáo và thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quảng cáo đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực y tế.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về nội dung quảng cáo đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quảng cáo và thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về quảng cáo đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo.”.

6. Trách nhiệm quản lý nhà nước về quảng cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo tại địa phương; tổ chức xây dựng, ban hành, thực hiện chính sách, chiến lược, kế hoạch phát triển hoạt động quảng cáo;

b) Chỉ đạo, tổ chức, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Luật này về việc thông báo sản phẩm quảng cáo trên các phương tiện quảng cáo tại địa phương;

c) Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam;

d) Tổ chức xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn;

đ) Tổ chức, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về quảng cáo tại địa phương;

e) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý và nghiệp vụ về quảng cáo tại địa phương;

g) Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về hoạt động quảng cáo theo thẩm quyền;

h) Báo cáo định kỳ việc quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo trên địa bàn gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước ngày 31 tháng 12 hằng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

i) Các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 10 như sau:

“b. Xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở về quảng cáo.”

4. Bổ sung Điều 15a vào sau Điều 15 như sau:

“Điều 15a. Quyền và nghĩa vụ của người chuyển tải sản phẩm quảng cáo

1. Thực hiện quảng cáo theo hợp đồng dịch vụ quảng cáo đã ký kết.

2. Kiểm tra các tài liệu liên quan đến điều kiện quảng cáo của tổ chức, cá nhân, sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cần quảng cáo.

3. Cung cấp tài liệu liên quan đến nội dung quảng cáo khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

4. Chịu trách nhiệm trực tiếp về nội dung quảng cáo.

5. Khi quảng cáo trên mạng xã hội cùng với hoạt động khác thì phải tự đưa ra dấu hiệu hoặc sử dụng tính năng được mạng xã hội cung cấp để phân biệt nội dung quảng cáo với nội dung, thông tin chia sẻ, đăng tải thông thường.

6. Được yêu cầu thẩm định sản phẩm quảng cáo.

7. Thực hiện quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.”.

5. Bổ sung Điều 15b vào sau Điều 15a như sau:

“Điều 15b. Hoạt động chuyển tải sản phẩm quảng cáo của người có ảnh hưởng

Hoạt động chuyển tải sản phẩm quảng cáo của người có ảnh hưởng theo quy định của pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các quy định khác của pháp luật có liên quan về tính năng, chất lượng hàng hóa dịch vụ khi thực hiện quảng cáo.

2. Phải có hợp đồng bằng văn bản ghi rõ sản phẩm quảng cáo và nội dung

quảng cáo với tổ chức, cá nhân có sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được quảng cáo hoặc đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân đó.

3. Thông báo trước cho người tiêu dùng về việc mình đang thực hiện hoạt động quảng cáo.

4. Khi đăng tải ý kiến, cảm nhận về kết quả sử dụng mỹ phẩm, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung trên mạng xã hội phải là người đã trực tiếp sử dụng sản phẩm.”.

6. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 của Điều 18 như sau:

“1a. Từ ngữ bằng tiếng Việt trong sản phẩm quảng cáo phải bảo đảm giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt và thể hiện chính xác nội dung cần truyền đạt.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 19 như sau:

“Điều 19. Yêu cầu đối với nội dung quảng cáo

1. Nội dung quảng cáo phải bảo đảm trung thực, chính xác, rõ ràng, không gây hiểu lầm về tính năng, chất lượng, công dụng, tác dụng của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Nội dung quảng cáo cần được phân biệt rõ ràng với nội dung thông tin khác.

2. Trường hợp quảng cáo có kèm ghi chú, khuyến cáo thì phần ghi chú, khuyến cáo phải bảo đảm hình thức thể hiện rõ ràng, đầy đủ, dễ tiếp cận.

3. Nội dung quảng cáo không bao gồm:

a) Tài liệu, thông tin và hình ảnh mô tả sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được tổ chức, cá nhân kinh doanh cung cấp để thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, trừ quảng cáo thương mại theo quy định của pháp luật về thương mại;

b) Các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa, bao bì thương phẩm theo quy định của pháp luật về ghi nhãn hàng hóa; nội dung phải công bố công khai và cung cấp cho khách hàng, người tiêu dùng; nội dung thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống tác hại của hàng hóa; các nội dung thuộc trách nhiệm và nghĩa vụ cung cấp thông tin khác theo quy định của pháp luật có liên quan.”.

8. Bổ sung Điều 19a vào sau Điều 19 như sau:

“19a. Yêu cầu về nội dung quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt

Nội dung quảng cáo sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt phải tuân thủ các quy định tại Điều 19 của Luật này và các yêu cầu sau đây:

1. Quảng cáo mỹ phẩm

a) Nội dung quảng cáo mỹ phẩm phải có các thông tin bắt buộc sau:

- Tên mỹ phẩm;

- Tính năng, công dụng của mỹ phẩm. Trường hợp tên mỹ phẩm đã bao gồm các thông tin về tính năng, công dụng thì không phải thể hiện nội dung này trong sản phẩm quảng cáo;

- Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị

trường; các cảnh báo an toàn trên nhãn sản phẩm.

b) Không được quảng cáo mỹ phẩm gây hiểu nhầm sản phẩm đó là thuốc.

c) Quảng cáo mỹ phẩm có sử dụng âm thanh phải đọc rõ ràng nội dung tên mỹ phẩm; tính năng, công dụng của mỹ phẩm; các cảnh báo an toàn trên nhãn sản phẩm.

2. Quảng cáo thực phẩm

a) Nội dung quảng cáo thực phẩm phải có các thông tin bắt buộc sau: tên thực phẩm; tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về sản phẩm; tên, địa chỉ nhà sản xuất sản phẩm.

Quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe phải có cụm từ: “Thực phẩm bảo vệ sức khỏe”; thực phẩm bổ sung phải có cụm từ: “Thực phẩm bổ sung”; thực phẩm dinh dưỡng y học phải có cụm từ “Thực phẩm dinh dưỡng y học” và “sử dụng cho người bệnh với sự giám sát của nhân viên y tế”; Thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt phải có cụm từ “Sản phẩm dinh dưỡng (cho đối tượng cụ thể)”.

b) Nội dung quảng cáo thực phẩm bảo vệ sức khỏe thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này và các nội dung sau: công dụng của sản phẩm, các cảnh báo sức khỏe (nếu có); Phải có khuyến cáo "Thực phẩm này không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh"; chữ viết phải rõ ràng, có màu tương phản với màu nền. Quảng cáo có sử dụng âm thanh phải đọc rõ khuyến cáo "Thực phẩm này không phải là thuốc và không có tác dụng thay thế thuốc chữa bệnh"; Việc quảng cáo có sử dụng âm thanh với thời lượng ngắn dưới 15 giây thì không phải đọc khuyến cáo, nhưng phải thể hiện khuyến cáo trong nội dung quảng cáo”

3. Quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế:

a) Tên hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế;

b) Tính năng, công dụng; tên, địa chỉ của chủ sở hữu số đăng ký lưu hành;

c) Khuyến cáo “Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng” hoặc “Hạn chế phạm vi sử dụng đối với các sản phẩm có sử dụng hóa chất”.

4. Quảng cáo thiết bị y tế:

a) Tên trang thiết bị y tế, chủng loại, hãng sản xuất, nước sản xuất;

b) Tính năng, tác dụng, hướng dẫn sử dụng, điều kiện bảo quản (nếu có);

c) Tên, địa chỉ của chủ sở hữu số đăng ký lưu hành; cơ sở mua bán hoặc nhập khẩu hoặc chuyển nhượng thiết bị y tế.

5. Quảng cáo sữa và sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ không thuộc quy định tại khoản 4 Điều 7 của Luật này phải thực hiện theo quy định điểm a khoản 2 Điều này và các quy định hiện hành. Việc quảng cáo thức ăn bổ sung dùng cho trẻ dưới 24 tháng tuổi phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

a) Phần đầu của quảng cáo phải có nội dung "Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ";

b) Nội dung quảng cáo phải nêu rõ “Sản phẩm này là thức ăn bổ sung và được ăn thêm cùng với sữa mẹ dùng cho trẻ trên 06 tháng tuổi”; phù hợp với quy định về tài liệu thông tin, giáo dục, truyền thông về nuôi dưỡng trẻ nhỏ và tài liệu thông tin, giáo dục, truyền thông về sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ theo quy định của pháp luật;

6. Quảng cáo dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh:

a) Tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

b) Phạm vi hoạt động chuyên môn do cơ quan có thẩm quyền về y tế phê duyệt theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

7. Quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y:

a) Tên thuốc;

b) Tính năng, tác dụng và những điều cần lưu ý khi sử dụng, bảo quản;

c) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường.

8. Quảng cáo thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, giống thủy sản, giống cây trồng, giống vật nuôi:

a) Tên chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi, giống cây trồng, giống vật nuôi;

b) Xuất xứ nguyên liệu trong chế biến;

c) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường.

9. Quảng cáo phân bón:

a) Tên phân bón, phương thức sử dụng;

b) Tính năng, tác dụng và những điều cần lưu ý khi sử dụng, bảo quản;

c) Tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm đưa sản phẩm ra thị trường.

10. Nội dung quảng cáo thuốc thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về dược và y tế.”

9. Sửa đổi, bổ sung lời dẫn và một số điểm của khoản 4 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung lời dẫn như sau:

“4. Khi quảng cáo hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đặc biệt phải có văn bản hoặc thông tin chứng nhận hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đó được phép lưu hành hoặc thực hiện tại Việt Nam còn hiệu lực theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không thuộc danh mục phải cấp phép và bảo đảm các điều kiện sau đây:”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a như sau:

“a) Quảng cáo thuốc được phép quảng cáo theo quy định của pháp luật về dược; phải thuộc Danh mục thuốc không kê đơn; không thuộc trường hợp hạn chế sử dụng hoặc sử dụng dưới sự giám sát của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh theo khuyến cáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; phải có Giấy đăng

ký lưu hành thuộc còn thời hạn hiệu lực tại Việt Nam.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

"d) Quảng cáo thực phẩm, phụ gia thực phẩm, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ không thuộc quy định tại khoản 4 Điều 7 của Luật này phải có giấy tờ, chứng nhận được phép lưu hành tại Việt Nam còn hiệu lực."

d) Sửa đổi, bổ sung điểm g như sau:

"g) Nội dung quảng cáo thiết bị y tế phải phù hợp với nội dung đã được phê duyệt, công bố trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với thiết bị y tế hoặc hồ sơ cấp giấy phép nhập khẩu hoặc hồ sơ cấp số đăng ký lưu hành. Đối với những thiết bị y tế không thuộc danh mục phải cấp số lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu thì nội dung quảng cáo phải phù hợp với thông tin do chủ sở hữu thiết bị y tế ban hành."

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm k như sau:

"k) Quảng cáo phân bón phải có Quyết định công nhận lưu hành phân bón tại Việt Nam, chế phẩm sinh học phục vụ trồng trọt, thức ăn chăn nuôi, chế phẩm sinh học vụ chăn nuôi phải có giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm hoặc văn bản tự công bố chất lượng sản phẩm”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 21 như sau:

"1. Diện tích quảng cáo không được vượt quá 30% tổng diện tích một ấn phẩm báo hoặc 40% tổng diện tích một ấn phẩm tạp chí, trừ báo, tạp chí chuyên quảng cáo; phải có dấu hiệu phân biệt quảng cáo với các nội dung khác”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Thời lượng quảng cáo trên kênh truyền hình trả tiền không vượt quá 10% tổng thời lượng chương trình phát sóng một ngày của một tổ chức phát sóng, trừ kênh, chương trình chuyên quảng cáo.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Mỗi chương trình vui chơi giải trí không được ngắt để quảng cáo quá bốn lần, mỗi lần không quá 05 phút. Mỗi chương trình phim truyện có thời lượng dưới 30 phút được ngắt để quảng cáo hai lần, cứ mỗi 15 phút tăng trong thời lượng chương trình được ngắt quảng cáo thêm 01 lần; mỗi lần ngắt để phát quảng cáo không quá 05 phút.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Khi thể hiện sản phẩm quảng cáo kèm theo nội dung thông tin chính thức bằng hình thức chạy chữ hoặc một chuỗi hình ảnh chuyển động thì sản phẩm quảng cáo không được làm ảnh hưởng tới nội dung chính trong chương trình. Quảng cáo bằng hình thức này không tính vào thời lượng quảng cáo của báo hình.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Cơ quan báo nói, báo hình ra kênh chương trình chuyên quảng cáo phải có giấy phép của cơ quan quản lý nhà nước về báo chí. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo theo mẫu do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

b) Bản sao hoặc cung cấp số Giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình;

c) Đề án sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo trong đó nêu rõ: Mục đích sản xuất; tên gọi, biểu tượng (lôgô); tôn chỉ, mục đích kênh chương trình; nội dung kênh chương trình; độ phân giải hình ảnh của kênh chương trình; khung chương trình dự kiến trong 01 (một) tháng; đối tượng khán giả; năng lực sản xuất kênh chương trình (gồm: Nhân sự, cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài chính); quy trình tổ chức sản xuất và quản lý nội dung kênh chương trình; phương thức kỹ thuật phân phối kênh chương trình đến các đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình; hiệu quả kinh tế xã hội của kênh;

d) Trường hợp kênh chương trình chuyên quảng cáo là sản phẩm liên kết, Đề án sản xuất kênh chương trình phải cung cấp các thông tin về sản phẩm liên kết, gồm: Địa chỉ, năng lực của đối tác liên kết; hình thức liên kết; quyền và nghĩa vụ các bên tham gia liên kết;

đ) Văn bản phê duyệt Đề án sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc các Bộ, ngành; đối với các cơ quan báo chí Trung ương, Đề án sản xuất phải được người đứng đầu cơ quan báo chí phê duyệt;

e) Trường hợp đề nghị cấp Giấy phép sản xuất nhiều kênh chương trình chuyên quảng cáo, đơn vị đề nghị cấp Giấy phép phải làm Đề án riêng đối với từng kênh chương trình cụ thể.”.

đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau:

“7. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép được thực hiện như sau:

a) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc nộp trên cổng ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử);

b) Trong thời hạn 24 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo. Trường hợp không cấp Giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do;

c) Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo có hiệu lực tối đa 10 năm kể từ ngày cấp;

d) Sau 90 ngày, kể từ ngày Giấy phép có hiệu lực, nếu đơn vị được cấp Giấy phép không thực hiện việc sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo thì Giấy phép không còn giá trị. Nếu muốn tiếp tục sản xuất kênh chương trình

chuyên quảng cáo, đơn vị phải làm thủ tục đề nghị cấp Giấy phép, áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu quy định tại Khoản 6 Điều này.”.

e) Sửa đổi, bổ sung khoản 8 như sau:

“8. Trong trường hợp cơ quan báo chí có nhu cầu thay đổi nội dung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo phải gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép đến cơ quan quản lý nhà nước về báo chí. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép gồm:

a) Trường hợp thay đổi tôn chỉ, mục đích của kênh chương trình chuyên quảng cáo thì đơn vị có Giấy phép thực hiện hồ sơ, thủ tục sửa đổi, bổ sung áp dụng như hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu quy định tại Khoản 6 Điều này;

b) Trường hợp thay đổi các nội dung khác ghi trong Giấy phép, đơn vị có Giấy phép phải có văn bản đề nghị kèm theo bản thuyết minh nội dung thay đổi và văn bản chấp thuận thay đổi của cơ quan chủ quản đối với các cơ quan báo chí của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc của Bộ, ngành; đối với cơ quan báo chí Trung ương, văn bản đề nghị thay đổi do người đứng đầu cơ quan báo chí ký;

c) Đối với trường hợp tăng hoặc giảm thời lượng kênh chương trình, thời lượng chương trình tự sản xuất, ngoài các yêu cầu về hồ sơ quy định tại Điểm b, Khoản 8 Điều này, đơn vị có Giấy phép phải có Đề án nêu rõ tên, nội dung, thời gian, thời lượng phát sóng chương trình tăng thêm hoặc các chương trình cắt giảm; khung chương trình dự kiến phát sóng trong 01 (một) tháng; phương án tổ chức sản xuất thời lượng chương trình tăng thêm;

d) Hồ sơ lập thành 01 bộ bản chính, nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính về Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc nộp trên cổng cung ứng dịch vụ công trực tuyến của Bộ Thông tin và Truyền thông (đối với các trường hợp có chứng thực điện tử).

đ) Trong thời hạn 16 (mười sáu) ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xét cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo. Trường hợp không cấp Giấy phép sửa đổi, bổ sung, Bộ Thông tin và Truyền thông có văn bản trả lời nêu rõ lý do.”.

g) Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8 như sau:

“9. Chậm nhất là 30 ngày trước khi chấm dứt sản xuất kênh chương trình chuyên quảng cáo cơ quan báo chí phải thông báo bằng văn bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông để thu hồi Giấy phép và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 23 như sau:

“Điều 23. Quảng cáo trên mạng

1. Hoạt động quảng cáo mạng bao gồm hoạt động quảng cáo trên báo điện tử, trang thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng trực tuyến, thiết bị quảng cáo sử dụng phương tiện điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác có

kết nối mạng viễn thông, mạng internet.

2. Hoạt động quảng cáo trên mạng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quảng cáo và các quy định sau đây:

a) Quảng cáo trên mạng phải có dấu hiệu nhận diện bằng từ ngữ, ký hiệu hoặc các hình thức phù hợp khác để cho phép người tiếp nhận quảng cáo xác định là quảng cáo và phân biệt với các thông tin không phải quảng cáo;

b) Đối với những quảng cáo không ở vùng cố định, người phát hành quảng cáo, người cung cấp dịch vụ quảng cáo trên mạng Internet phải thiết kế tính năng để người sử dụng có thể tắt quảng cáo trong thời gian không quá 06 giây kể từ khi bắt đầu quảng cáo và không quá 02 lần quảng cáo liên tiếp nhau với tổng thời gian không quá 07 giây; cho phép người sử dụng được từ chối quảng cáo hoặc báo vi phạm với quảng cáo có nội dung không phù hợp;

c) Đối với những quảng cáo có chứa đường dẫn đến trang thông tin điện tử khác thì người cung cấp dịch vụ quảng cáo, người phát hành quảng cáo phải có giải pháp để kiểm tra, giám sát nội dung của trang thông tin điện tử được dẫn đến tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam; không quảng cáo cho đường dẫn vi phạm pháp luật Việt Nam;

d) Tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng xã hội khi cho phép người sử dụng thực hiện quảng cáo thì cần có giải pháp hoặc tính năng, ký hiệu để người sử dụng tự phân biệt nội dung quảng cáo;

Người sử dụng mạng xã hội phân biệt nội dung, thông tin chia sẻ, đăng tải thông thường với nội dung, thông tin có mục đích quảng cáo hoặc được tài trợ bằng cách tự đưa ra tuyên bố hoặc sử dụng tính năng được mạng xã hội cung cấp;

đ) Quảng cáo tìm kiếm phải có dấu hiệu phân biệt kết quả tìm kiếm tự nhiên với kết quả tìm kiếm được trả tiền, tài trợ để ưu tiên hiển thị.

3. Người quảng cáo, người kinh doanh dịch vụ quảng cáo, người phát hành quảng cáo ở trong nước và ngoài nước tham gia hoạt động quảng cáo trên mạng phải tuân thủ các quy định sau đây:

a) Các quy định của pháp luật Việt Nam về quảng cáo, quy định về an ninh mạng, quy định về bảo vệ người tiêu dùng, quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng; phải nộp thuế theo quy định pháp luật về thuế;

b) Không đặt sản phẩm quảng cáo vào trong hoặc đặt cạnh nội dung vi phạm pháp luật quy định tại Luật An ninh mạng và Luật Sở hữu trí tuệ; không quảng cáo trên các trang thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng vi phạm pháp luật Việt Nam;

c) Không hợp tác phát hành sản phẩm quảng cáo với trang thông tin điện tử, ứng dụng trên mạng, tài khoản, kênh nội dung, trang cộng đồng, nhóm cộng đồng trên mạng xã hội đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền thông báo vi phạm pháp luật công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử);

d) Thực hiện việc ngăn chặn, gỡ bỏ thông tin vi phạm pháp luật theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định tại khoản 7 Điều này; cung cấp thông tin về tổ chức, cá nhân liên quan tới hoạt động quảng cáo trên mạng có dấu hiệu vi phạm pháp luật cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền khi có yêu cầu.

4. Người quảng cáo, người phát hành quảng cáo khi tham gia giao kết hợp đồng với người kinh doanh dịch vụ quảng cáo (bao gồm tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới) có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Yêu cầu người kinh doanh dịch vụ quảng cáo tuân thủ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này;

b) Yêu cầu người kinh doanh dịch vụ quảng cáo có giải pháp kỹ thuật để người phát hành quảng cáo, người quảng cáo tại Việt Nam có thể kiểm soát và loại bỏ các sản phẩm quảng cáo vi phạm pháp luật Việt Nam trên hệ thống cung cấp dịch vụ.

5. Người kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng (bao gồm tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước cung cấp dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới) tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại Điều 13, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này và các quy định sau đây:

a) Đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo đã thực hiện đăng ký kinh doanh về quảng cáo theo quy định pháp luật Việt Nam thì cần thông báo đầu mối liên hệ với Bộ Thông tin và Truyền thông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ hoạt động quảng cáo trên mạng.

Đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ quảng cáo xuyên biên giới thì cần thông báo thông tin liên hệ với Bộ Thông tin và Truyền thông.

Những thông tin cần thông báo như sau: Tên tổ chức, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính nơi đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ quảng cáo; địa điểm đặt hệ thống máy chủ chính cung cấp dịch vụ và hệ thống máy chủ đặt tại Việt Nam (nếu có); Đầu mối liên hệ: tên tổ chức, cá nhân đại diện tại Việt Nam (nếu có), địa chỉ email, điện thoại liên hệ.

Hình thức và thời gian thông báo: 15 ngày trước khi bắt đầu kinh doanh dịch vụ quảng cáo tại Việt Nam, các tổ chức, cá nhân gửi thông báo trực tiếp, hoặc qua đường bưu chính, hoặc qua phương tiện điện tử đến Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử). Trường hợp nộp qua phương tiện điện tử, phải có chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Khi nhận thông báo, cơ quan tiếp nhận có trách nhiệm gửi giấy xác nhận bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo.

b) Xác minh danh tính của người quảng cáo.

c) Lưu trữ thông tin, hồ sơ về hoạt động quảng cáo, bao gồm: Thông tin về

tên, địa chỉ và thông tin liên hệ để xác minh danh tính người quảng cáo; tên sản phẩm quảng cáo; mẫu quảng cáo hoặc đường dẫn để truy cập vào mẫu quảng cáo; thời gian cung cấp dịch vụ quảng cáo; các tài liệu theo quy định khi thực hiện hoạt động quảng cáo: hợp đồng, thỏa thuận, các tài liệu do người quảng cáo cung cấp liên quan đến nội dung sản phẩm quảng cáo.

Thời gian lưu trữ trong 01 năm kể từ ngày cuối cùng quảng cáo được hiển thị.

d) Có giải pháp pháp kỹ thuật kiểm soát và loại bỏ các sản phẩm quảng cáo vi phạm pháp luật Việt Nam trên hệ thống cung cấp dịch vụ.

đ) Lưu trữ các thông tin về quy tắc của phương thức phân phối quảng cáo, thuật toán phân phối quảng cáo được sử dụng để phát hành quảng cáo trên mạng internet

e) Thiết lập cơ chế để tiếp nhận, giải quyết các khiếu nại của người tiêu dùng về hoạt động cung cấp dịch vụ quảng cáo trên mạng Internet.

g) Duy trì tài khoản báo cáo trực tuyến và cung cấp thông tin, dữ liệu cập nhật đến thời điểm được yêu cầu báo cáo để báo cáo định kỳ hàng năm hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử). Thời hạn báo cáo: vào trước ngày 31 tháng 12 đối với báo cáo định kỳ hàng năm và trong 05 ngày làm việc kể từ ngày yêu cầu đối với báo cáo đột xuất.

6. Quy trình ngăn chặn, gỡ bỏ quảng cáo trên mạng vi phạm:

a) Đối với hoạt động quảng cáo trên mạng do các tổ chức, cá nhân trong nước thực hiện, các bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm phát hiện và xác định các quảng cáo vi phạm pháp luật theo thẩm quyền được phân công tại các quy định pháp luật về quản lý và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quảng cáo theo quy định.

Các bộ, ngành, địa phương gửi yêu cầu xử lý bằng văn bản hoặc qua phương tiện điện tử cho các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo trên mạng ngăn chặn, gỡ bỏ quảng cáo vi phạm theo thẩm quyền quản lý.

Sau khi nhận được yêu cầu, trong thời gian 24 giờ, tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quảng cáo thực hiện việc xử lý quảng cáo vi phạm theo yêu cầu.

Trong trường hợp phát hiện quảng cáo trên mạng vi phạm pháp luật ảnh hưởng đến an ninh quốc gia Việt Nam, cơ quan chức năng có thẩm quyền thực hiện ngay các biện pháp ngăn chặn quảng cáo vi phạm pháp luật.

Biện pháp ngăn chặn chỉ được gỡ bỏ sau khi các quảng cáo vi phạm đã được tổ chức, cá nhân nước ngoài xử lý theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

b) Đối với hoạt động quảng cáo trên mạng do các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp xuyên biên giới vào Việt Nam, Bộ Thông tin và Truyền thông là cơ quan tiếp nhận các thông báo về quảng cáo vi phạm pháp luật từ các bộ, ngành, địa phương và là đầu mối liên hệ, gửi yêu cầu xử lý quảng cáo vi phạm pháp luật cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài không xử lý quảng cáo vi phạm theo yêu cầu mà không có lý do chính đáng, Bộ Thông tin và Truyền thông sẽ thực thi các biện pháp ngăn chặn quảng cáo vi phạm pháp luật và thực hiện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật Việt Nam.”.

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:

“Điều 28. Quảng cáo trên màn hình chuyên quảng cáo

1. Việc đặt màn hình chuyên quảng cáo phải tuân theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và quy hoạch quảng cáo ngoài trời của địa phương.

2. Khi thực hiện quảng cáo trên màn hình chuyên quảng cáo đặt ngoài trời phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Không sử dụng âm thanh;

b) Độ sáng màn hình tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình chiếu sáng;

c) Chủ sở hữu hoặc chủ sử dụng hợp pháp màn hình có trách nhiệm áp dụng biện pháp kỹ thuật để phòng ngừa, ngăn chặn hành vi tấn công mạng đối với màn hình thuộc phạm vi quản lý.

3. Quảng cáo trên màn hình không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng âm thanh theo quy định của pháp luật về môi trường.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 8 của Điều 29 như sau:

“8. Bản sao Giấy phép xây dựng công trình quảng cáo đối với loại bảng quảng cáo phải có Giấy phép xây dựng hoặc Kết quả kiểm định chất lượng công trình xây dựng đối với công trình theo quy định tại Khoản 5 Điều 31 Luật này.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 30 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện quảng cáo trên bảng quảng cáo, bảng-rôn phải gửi trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua đường bưu chính 01 bộ hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo đến cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương trước khi thực hiện”.

16. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 của Điều 31 như sau:

“5. Bảng quảng cáo có diện tích một mặt từ 20m² kết cấu khung kim loại hoặc vật liệu xây dựng tương tự gắn vào công trình xây dựng có sẵn phải có Kết quả kiểm định chất lượng công trình xây dựng của tổ chức kiểm định xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng”.

17. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 của Điều 36 như sau:

“c) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo phải gửi trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc qua đường bưu chính 01 bộ hồ sơ thông báo đến cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương trước khi thực hiện quảng cáo. Hồ sơ thông báo gồm:

- Văn bản thông báo ghi rõ thời gian, địa điểm, lộ trình thực hiện, số lượng người tham gia, phương tiện sử dụng và nội dung, hình thức sản phẩm quảng cáo;

- Bản sao văn bản về việc tổ chức sự kiện của đơn vị tổ chức hoạt động quảng cáo;

- Makét sản phẩm quảng cáo.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền về quảng cáo của địa phương không đồng ý với thông báo thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Quá thời hạn trên mà không có văn bản trả lời, tổ chức, cá nhân được thực hiện quảng cáo theo nội dung đã thông báo”.

18. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 37 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Quy hoạch quảng cáo ngoài trời phải xác định: Kiểu dáng, kích thước, chất liệu, số lượng, phương tiện quảng cáo theo vùng, khu vực, từng tuyến đường cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện; trong nội thành, nội thị; phân bố, khoanh vùng vị trí cho hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan và quảng cáo ngoài trời tại khu vực trung tâm đô thị; phương hướng phát triển hoạt động quảng cáo ngoài trời.”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Không mâu thuẫn hoặc xung đột với quy hoạch cao hơn; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa quy hoạch với chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phù hợp với quy hoạch xây dựng tại địa phương, bảo đảm an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội và mỹ quan đô thị.”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 như sau:

“c) Bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, dự báo, khả thi, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực của đất nước; bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch”.

d) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau:

“d) Bảo đảm sự thống nhất, hài hòa giữa các địa phương tại các khu vực giáp ranh”.

đ) Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 như sau:

“đ) Kế thừa các vị trí đang thực hiện quảng cáo phù hợp với quy định hiện hành; trong trường hợp thực hiện hoặc điều chỉnh quy hoạch gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân thì cơ quan phê duyệt quy hoạch có trách nhiệm tổ chức đền bù theo quy định của pháp luật;”

e) Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 2 như sau:

“e) Lấy ý kiến của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch; các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động quảng cáo và người dân trên địa bàn tỉnh”.

g) Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 như sau:

“2a. Đất đã được phê duyệt cho vị trí quảng cáo ngoài trời được sử dụng cho mục đích quảng cáo theo quy định của pháp luật về đất đai.”;

h) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, quy trình xây dựng, phê duyệt, thực hiện, điều chỉnh quy hoạch quảng cáo ngoài trời và hình thức khai thác, sử dụng các vị trí quy hoạch.”.

19. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 38 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Lập, điều chỉnh và phê duyệt quy hoạch quảng cáo ngoài trời tại địa phương; bảo đảm hoạt động quảng cáo ngoài trời tại địa phương luôn thuộc các thời kỳ quy hoạch; bố trí kinh phí, nguồn lực để thực hiện quy hoạch;

b) Lập, điều chỉnh quy hoạch quảng cáo theo các giai đoạn phù hợp với sự phát triển của địa phương;

c) Nội dung quy hoạch phải được đăng tải thường xuyên, liên tục trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan lập quy hoạch và công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

d) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch quảng cáo ngoài trời;

đ) Phê duyệt bổ sung mục đích sử dụng đất đối với đất tại các vị trí quy hoạch quảng cáo ngoài trời.”

Điều 2. Bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản của Luật Quảng cáo

1. Bãi bỏ điểm đ khoản 4 của Điều 20.

2. Bãi bỏ khoản 6 và khoản 7 của Điều 29.

3. Bãi bỏ điểm b khoản 2 của Điều 31.

4. Bãi bỏ cụm từ “*hợp đồng thuê địa điểm giữa chủ đầu tư xây dựng công trình quảng cáo với chủ sở hữu hoặc chủ sử dụng hợp pháp đối với công trình quảng cáo gắn với công trình xây dựng có sẵn hoặc văn bản thông báo kết quả trúng thầu đối với trường hợp địa điểm quảng cáo trong quy hoạch phải tổ chức đấu thầu*” tại điểm c khoản 3 của Điều 31.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Quy định chuyển tiếp (nếu có).....(5)....

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa....., kỳ họp thứ... thông qua ngày... tháng... năm...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

